TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VĨNH YÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 123/2019/HS-ST
Ngày 18 tháng 10 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Thế Bình.

Các Hội thẩm Nhân dân: - Ông Phạm Xuân Thọ;

- Bà Vũ Thị Kim Dung.

Thư ký phiên toà: Ông Đào Văn Tiến - Thư ký Toà án Nhân dân thành phố Vĩnh Yên.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Vĩnh Yên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 117/2019/HS-ST ngày 04 tháng 10 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 117/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2019, đối với bị cáo:

Phạm Văn V, sinh ngày 10/5/1976 tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Đ, xã S, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V Nam; con ông Phạm Văn Đ và bà Đặng Thị T; vợ là Lê Thị M và có 02 con; tiền án: Có 01 tiền án, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2015/HSST ngày 26/6/2015, Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch xử phạt Phạm Văn V 03 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/7/2017, tính đến ngày phạm tội chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/7/2019 cho đến nay (có mặt).

Người bào chữa của bị cáo: Bà Kim Hồng T, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn C, sinh năm 1969 và bà Lê Thị M, sinh năm 1978; đều trú tại: Thôn Đ, xã S, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 45 phút ngày 08/7/2019, trước cổng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc, Tổ công tác Công an phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên phát hiện và lập biên bản sự việc quả tang Phạm Văn V có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tang vật thu giữ gồm có: Thu giữ tại lòng bàn tay trái của V có 01 gói giấy nhỏ bên trong có chứa các cục màu trắng, V khai là ma túy Heroine vừa mua được với giá 200.000đ, vật chứng được niêm phong có ký hiệu A1; thu giữ của V 01 xe máy BKS: 19AL-00212.

Tại bản kết luận giám định số: 1382/KLGĐ ngày 12/7/2019, Phòng Kỹ hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: *Chất bột, cục màu trắng của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma tuý lẫn tạp chất, loại Heroine. Khối lượng của mẫu gửi đến giám định là 0,3387 gam. Khối lượng Heroine trong 0,3387 gam mẫu là 0,1485g.*

Về nguồn gốc số ma túy đã thu giữ, Phạm Văn V khai nhận: Khoảng 10 giờ ngày 08/7/2019, do có nhu cầu sử dụng ma tuý đá nên V đã điều khiển xe máy BKS: 19AL-00212 từ nhà ở thôn Đông Mật, xã Sơn Đông, huyện Lập Thạch đến thành phố Vĩnh Yên để mua ma tuý. Tại đây, qua giới thiệu của bạn bè nghiện ngoài xã hội, V đã đến khu vực đường Lý Tự Trọng, đoạn đường gần đầm Chúa, thuộc phường Đống Đa và mua được của một nữ giới không rõ tên, tuổi, địa chỉ 01 gói ma tuý Heroine với giá 200.000đ. Sau khi mua được ma tuý, V cầm gói ma tuý ở tay trái điều khiển xe máy đi tìm địa điểm sử dụng thì bị Công an phát hiện và lập biên bản sự việc quả tang như đã nêu trên.

Tại Cáo trạng số: 122/CT-VKSTPVY ngày 04/10/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên đã truy tố bị cáo Phạm Văn V về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại Cơ quan điều tra bị cáo Phạm Văn V khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn V vẫn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn C và bà Lê Thị M đều khai nhận việc bị cáo V sử dụng chiếc xe làm phương tiện để phạm tội ông C và bà M không biết. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe máy BKS: 19AL-00212, nay không yêu cầu bồi thường và đề nghị gì.

Người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra khai nhận phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu trên (bút lục 17 và từ bút lục 67- 71).

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Phạm Văn V từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy 0,1717 gam ma túy và toàn bộ bao gói ma túy còn lại sau giám định; xác nhận Cơ quan điều tra đã trả lại ông Lê Văn C 01 xe máy BKS: 19AL-00212 là hợp pháp.

Người bào chữa của bị cáo, Trợ giúp viên pháp lý bà Kim Hồng T có quan điểm: Bị cáo có hành vi tàng trữ trên 0,1 gam ma túy nên Cơ quan tiến hành tố tụng điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; bị cáo thuộc hộ cận nghèo được Nhà nước trợ giúp pháp lý. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, giảm nhẹ hơn mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Bị cáo nhất trí với bản luận cứ bào chữa của người bào chữa và không có bào chữa bổ sung gì khác. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội nêu trên của bị cáo Phạm Văn V tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 11 giờ 45 phút ngày 08/7/2019, tại trước cổng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc, thuộc phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, bị cáo Phạm Văn V đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng thì bị Tổ công tác Công an phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên phát hiện và lập biên bản quả tang. Tang vật thu giữ là 01 gói giấy nhỏ bên trong có chứa các cục màu trắng, được giám định là ma túy lẫn tạp chất, loại Heroine, khối lượng 0,3387 gam. Khối lượng Heroine trong 0,3387 gam mẫu là 0,1485 gam.

Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo Phạm Văn V đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) có khung hình phạt tù từ 01 đến 05 năm.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội, ảnh hưởng đến nòi giống, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, có mức cao nhất của khung hình phạt đến 05 năm tù nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm nghiêm trọng.

Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân xấu, đã có 01 tiền án về hành vi cùng loại tội, tiền án đó chưa được xóa án tích lại tái phạm. Điều đó chứng tỏ bị cáo không biết ăn năn hối cải, sửa chữa lỗi lầm để trở thành người lương thiện. Mặt khác, hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý, hiện tại trên địa bàn thành phố Vĩnh Yên các tội phạm về ma túy có chiều hướng gia tăng, đây là nguyên nhân làm mất ổn định tình hình an ninh chính trị tại địa phương và phát sinh các tội phạm khác trong xã hội. Do đó, việc cho bị cáo được cải tạo tại địa phương sẽ không có tác dụng giáo dục nói chung, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

Khi quyết định hình phạt có xem xét đến các tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo đã "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" để giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị cáo là người nghiện ma túy, không có tài sản và nghề nghiệp nên Hội đồng xét xử quyết định miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Đối với người có liên quan đến vụ án gồm: Người nữ giới bán ma túy cho V. Do V không biết họ, tên, địa chỉ nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào có căn cứ sẽ đề cập xử lý sau là đúng pháp luật.

[6] Về vật chứng: Đối với số ma túy và bao gói ma túy hoàn lại sau giám định không có giá trị sử dụng cần tịch thu để tiêu hủy theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đối với chiếc xe máy BKS: 19AL-00212 đã thu giữ của bị cáo Phạm Văn V. Quá trình điều tra xác định đó là tài sản của ông Lê Văn C (anh vợ bị cáo V), ông C không có lỗi trong việc để bị cáo sử dụng tài sản vào việc phạm tội, do đó Cơ quan điều tra đã trao trả lại tài sản cho ông C, nay ông C không yêu cầu đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét để giải quyết tiếp.

[7] Về các vấn đề khác: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Phạm Văn V 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 08/7/2018).

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 0,1717 gam ma túy và bao gói ma túy hoàn lại sau giám định (Đặc điểm tang vật như Biên bản bàn giao vật chứng ngày 16/10/2019).

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Phạm Văn V phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát thành phố Vĩnh Yên;
- Công an thành phố Vĩnh Yên;
- Trại tạm giam - CA Vĩnh Phúc;
- Chi cục thi hành án ds Vĩnh Yên;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đỗ Thế Bình